

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng	04 - 33
Bảng cân đối kế toán riêng	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	07 - 08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09 - 33

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200815578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 10 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong quý và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông: Trần Mạnh Luân	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong quý và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Thế Hùng	Giám đốc
----------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông: Nguyễn Trọng Cường	Thành viên
Bà: Bùi Thị Trà	Thành viên

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong quý. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thế Hùng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>332.798.065.625</b>	<b>336.592.555.375</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>37.444.503.318</b>	<b>36.133.852.205</b>
111	1. Tiền		37.444.503.318	36.133.852.205
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		36.000.000.000	36.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>62.747.721.195</b>	<b>10.651.380.488</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	15.342.418.182	10.182.818.182
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	97.127.272	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	47.308.175.741	468.562.306
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>08</b>	<b>185.257.008.143</b>	<b>238.739.009.973</b>
141	1. Hàng tồn kho		187.009.540.246	240.491.542.076
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.752.532.103)	(1.752.532.103)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.348.832.969</b>	<b>15.068.312.709</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	52.352.268	15.646.660
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.387.211.242	15.052.666.049
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	909.269.459	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.376.768.978.958</b>	<b>3.357.165.945.395</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>7.265.156.370</b>	<b>7.662.515.334</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.265.156.370	7.662.515.334
222	- Nguyên giá		14.627.616.249	14.627.616.249
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.362.459.879)	(6.965.100.915)
240	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>09</b>	<b>2.128.409.091</b>	<b>2.128.409.091</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.128.409.091	2.128.409.091
250	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>3.367.372.297.286</b>	<b>3.347.372.297.286</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.049.032.297.286	1.029.032.297.286
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.318.340.000.000	2.318.340.000.000
260	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.116.211</b>	<b>2.723.684</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.116.211	2.723.684
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.709.567.044.583</b>	<b>3.693.758.500.770</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>403.453.566.542</b>	<b>391.271.520.290</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>252.978.566.542</b>	<b>231.796.520.290</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	12.068.842.676	56.628.709.801
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	4.209.847.588	5.164.479.988
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	34.400.000	819.332.550
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	397.200.000	1.473.545.455
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	51.829.304.750	51.827.984.150
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	177.839.612.200	109.244.927.200
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	141.056.046	179.237.864
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.458.303.282	6.458.303.282
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>150.475.000.000</b>	<b>159.475.000.000</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	150.475.000.000	159.475.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.306.113.478.041</b>	<b>3.302.486.980.480</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>3.306.113.478.041</b>	<b>3.302.486.980.480</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.214.481.530.000	3.214.481.530.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3.214.481.530.000	3.214.481.530.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.976.351.645	1.976.351.645
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		19.572.915.034	19.572.915.034
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		70.082.681.362	66.456.183.801
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		66.456.183.801	33.776.284.391
421b	LNST chưa phân phối năm nay		3.626.497.561	32.679.899.410
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.709.567.044.583</b>	<b>3.693.758.500.770</b>

Người lập biểu



Phạm Hồng Dung

Kế toán trưởng



Hồ Thị Xuân Hòa

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022



Nguyễn Thế Hùng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	133.233.243.648	67.381.627.279
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		133.233.243.648	67.381.627.279
11	4. Giá vốn hàng bán	22	123.007.485.895	60.283.650.163
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.225.757.753	7.097.977.116
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	489.486.572	1.484.783.539
22	7. Chi phí tài chính	24	3.607.309.244	3.885.538.356
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.777.505.682	3.885.538.356
25	8. Chi phí bán hàng	25	1.076.452.809	1.047.999.497
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.328.277.290	1.081.041.505
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.703.204.982	2.568.181.297
31	11. Thu nhập khác		-	438.862.148
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	438.862.148
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.703.204.982	3.007.043.445
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.076.707.421	790.827.124
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.626.497.561</u>	<u>2.216.216.321</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	<u>132</u>	<u>90</u>

Người lập biểu

Phạm Hồng Dung

Kế toán trưởng

Hồ Thị Xuân Hòa

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022



Nguyễn Thế Hùng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.703.204.982	3.007.043.445
	2. Điều chỉnh cho các khoản		2.649.282.571	4.188.724.729
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		397.358.964	519.292.526
03	- Các khoản dự phòng		(38.181.818)	(68.000.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(487.400.257)	(148.106.153)
06	- Chi phí lãi vay		2.777.505.682	3.885.538.356
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.352.487.553	7.195.768.174
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(46.955.242.065)	9.241.534.453
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		53.482.001.830	17.884.733.402
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(46.596.724.380)	22.154.870.937
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(37.098.135)	(32.334.594)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.777.505.682)	(3.885.538.356)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.763.709.430)	(2.517.046.260)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.295.790.309)	50.041.987.756
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	136.363.636
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.756.422	2.455.167.725
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.988.243.578)	2.591.531.361



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2021
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		97.350.159.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(37.755.474.000)	(30.000.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>59.594.685.000</i>	<i>(30.000.000.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong quý		1.310.651.113	22.633.519.117
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36.133.852.205	33.391.595.439
70	Tiền và tương đương tiền cuối quý	03	37.444.503.318	56.025.114.556

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Hồng Dung

Kế toán trưởng

Hồ Thị Xuân Hòa

Giám đốc



Nguyễn Thế Hùng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200815578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 10 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.214.481.530.000 đồng; tương đương 321.448.153 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh ô tô con, ô tô tải.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe bus);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác;
- Sản xuất mô tô, xe máy.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Doanh thu quý 1 năm 2022 nay đạt 133,23 tỷ (tăng 97,73% so với cùng kỳ năm trước) là do năm nay dịch bệnh đã được kiểm soát, hoạt động kinh doanh của Công ty được thúc đẩy, bộ phận kinh doanh tăng doanh số bán hàng.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3. Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi nhận góp vốn: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.5. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.6. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối quý cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.7. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối quý căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

## 2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 03 năm.

### **2.13. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### **2.14. Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **2.15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **2.16. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Tiền thưởng doanh số phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.17. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành sản phẩm được trích dựa trên đặc điểm của từng loại và đánh giá của Ban Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

## **2.18. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.19. Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền sở hữu hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **2.20. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### **2.21. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong quý, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong quý và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

##### **b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022.

#### **2.23. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### **2.24. Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.



**3. TIỀN**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	92.390.538	391.005.080
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.352.112.780	35.742.847.125
	<b><u>37.444.503.318</u></b>	<b><u>36.133.852.205</u></b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
	<b><u>36.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>36.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, với lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,4%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	1.049.032.297.286	-	1.029.032.297.286	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	483.692.595.606	-	463.692.595.606	-
- Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	565.339.701.680	-	565.339.701.680	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.318.340.000.000	-	2.318.340.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất Động sản CRV	2.318.340.000.000	-	2.318.340.000.000	-
	<b>3.367.372.297.286</b>	<b>-</b>	<b>3.347.372.297.286</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2022 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Km9, Quốc lộ 5, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	99,79%	99,79%	Kinh doanh ô tô và xe động cơ
- Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng A, Tầng 8, Tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	90,17%	90,17%	Xây dựng nhà ở xã hội

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

##### Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2022 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất Động sản CRV	Tầng 12, Tòa tháp Gold Tower, Số 275, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	35,17%	35,17%	Xây dựng và kinh doanh Bất động sản

#### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ô tô Nam Việt	4.900.000.000	-	7.155.000.000	-
- Công ty TNHH Best Freight	5.769.600.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuân Thùy Lộc Phát	1.699.000.000	-	1.699.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn	1.645.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.328.818.182	-	1.328.818.182	-
	<b>15.342.418.182</b>	<b>-</b>	<b>10.182.818.182</b>	<b>-</b>

#### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Bvote Việt Nam	50.000.000	-	-	-
- Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới	47.127.272	-	-	-
	<b>97.127.272</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### 7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu lãi tiền gửi	932.687.672	-	457.043.837	-
- Tạm ứng tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất Động sản CRV	46.366.800.000	-	-	-
- Phải thu Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	2.830.400	-
- Phải thu khác	8.688.069	-	8.688.069	-
	<b>47.308.175.741</b>	<b>-</b>	<b>468.562.306</b>	<b>-</b>

#### 8. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	112.031.468.888	(1.752.532.103)	100.599.864.011	(1.752.532.103)
- Thành phẩm	6.803.946.902	-	18.952.294.365	-
- Hàng hóa	68.174.124.456	-	55.327.284.924	-
- Hàng gửi bán	-	-	65.612.098.776	-
	<b>187.009.540.246</b>	<b>(1.752.532.103)</b>	<b>240.491.542.076</b>	<b>(1.752.532.103)</b>

#### 9. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dây chuyền lắp ráp ô tô	2.128.409.091	2.128.409.091
	<b>2.128.409.091</b>	<b>2.128.409.091</b>

#### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	1.309.784.122	12.851.615.329	466.216.798	14.627.616.249
Số dư cuối kỳ	<b>1.309.784.122</b>	<b>12.851.615.329</b>	<b>466.216.798</b>	<b>14.627.616.249</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	1.280.637.274	5.227.108.133	457.355.508	6.965.100.915
- Khấu hao trong kỳ	7.286.715	383.922.249	6.150.000	397.358.964
Số dư cuối kỳ	<b>1.287.923.989</b>	<b>5.611.030.382</b>	<b>463.505.508</b>	<b>7.362.459.879</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	29.146.848	7.624.507.196	8.861.290	7.662.515.334
Tại ngày cuối kỳ	<b>21.860.133</b>	<b>7.240.584.947</b>	<b>2.711.290</b>	<b>7.265.156.370</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.105.572.087 đồng.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí thuê văn phòng	45.000.000	-
- Các khoản khác	7.352.268	15.646.660
	<u>52.352.268</u>	<u>15.646.660</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Các khoản khác	3.116.211	2.723.684
	<u>3.116.211</u>	<u>2.723.684</u>

**12. VAY**

	01/01/2022		Trong quý		31/03/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>109.244.927.200</b>	<b>109.244.927.200</b>	<b>97.350.159.000</b>	<b>28.755.474.000</b>	<b>177.839.612.200</b>	<b>177.839.612.200</b>
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (1)	38.200.765.000	38.200.765.000	71.657.755.000	-	109.858.520.000	109.858.520.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (2)	71.044.162.200	71.044.162.200	25.692.404.000	28.755.474.000	67.981.092.200	67.981.092.200
	<b>109.244.927.200</b>	<b>109.244.927.200</b>	<b>97.350.159.000</b>	<b>28.755.474.000</b>	<b>177.839.612.200</b>	<b>177.839.612.200</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>159.475.000.000</b>	<b>159.475.000.000</b>	-	<b>9.000.000.000</b>	<b>150.475.000.000</b>	<b>150.475.000.000</b>
+ Công ty TNHH Pruksa Việt Nam (3)	159.475.000.000	159.475.000.000	-	9.000.000.000	150.475.000.000	150.475.000.000
	<b>159.475.000.000</b>	<b>159.475.000.000</b>	-	<b>9.000.000.000</b>	<b>150.475.000.000</b>	<b>150.475.000.000</b>
	-	-	-	-	-	-
	<b>159.475.000.000</b>	<b>159.475.000.000</b>	-	-	<b>150.475.000.000</b>	<b>150.475.000.000</b>

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1): Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo các Hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hình thức L/C UPAS, với thời hạn 06 tháng từ ngày 07 tháng 12 năm 2021 đến ngày 30 tháng 5 năm 2022. Mức phí 2,1%/năm và được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty và các Công ty liên quan tại Ngân hàng.
- (2): Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo các thỏa thuận cam kết sử dụng dịch vụ L/C UPAS tại Techcombank, với thời hạn 06 tháng. Mức phí 2,2%/năm và được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty và các Công ty liên quan tại Ngân hàng.
- Chủ trương sử dụng tài sản đảm bảo đã được được Hội đồng quản trị phê duyệt và tiếp tục được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua theo Tờ trình số 03/BC-HDQT ngày 05/03/2021.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (3): Khoản vay theo Hợp đồng vay số 09.07/2020/PRU-HHS và 10.08/2020/PRU-HHS với Công ty TNHH Pruksa Việt Nam (Công ty con) và các Phụ lục gia hạn, với thời hạn mỗi lần vay hoặc gia hạn là từ 06 tháng đến 36 tháng tùy thuộc nhu cầu các bên. Lãi suất cho vay là 5,2%/năm; khoản vay không có tài sản đảm bảo, thực hiện cơ chế luân chuyển nguồn vốn đầu tư, kinh doanh của Công ty theo chủ trương của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/NQ-HDQT ngày 09 tháng 07 năm 2020 và tiếp tục được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua theo tờ trình số 03/BC-HDQT ngày 05/03/2021.



**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- DongFeng Commercial vehicle Co.,LTD	-	-	53.443.710.001	53.443.710.001
- Công ty TNHH Vận tải Xây dựng Thịnh An Phát	-	-	570.000.000	570.000.000
- Shiyan Pingyun Industrial and trade Co.,LTD	1.118.839.800	1.118.839.800	1.118.839.800	1.118.839.800
- China Dongfeng Motor Industry Import and Export Co.,Ltd	10.226.990.000	10.226.990.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	723.012.876	723.012.876	1.496.160.000	1.496.160.000
	<b>12.068.842.676</b>	<b>12.068.842.676</b>	<b>56.628.709.801</b>	<b>56.628.709.801</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Ô tô Hoàng Long	1.395.000.000	1.395.000.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	2.814.847.588	3.769.479.988
	<b>4.209.847.588</b>	<b>5.164.479.988</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu quý	Số phải nộp đầu quý	Số phải nộp trong quý	Số đã thực nộp trong quý	Số phải thu cuối quý	Số phải nộp cuối quý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	17.717.431.209	17.717.431.209	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	13.315.722.694	13.315.722.694	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	777.732.550	1.076.707.421	2.763.709.430	909.269.459	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	41.600.000	63.000.000	70.200.000	-	34.400.000
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>819.332.550</b>	<b>32.175.861.324</b>	<b>33.870.063.333</b>	<b>909.269.459</b>	<b>34.400.000</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí thưởng doanh số phải trả cho cộng tác viên	277.200.000	342.000.000
- Chi phí tiền thưởng phải trả cho đại lý	-	937.000.000
- Chi phí phải trả khác	120.000.000	194.545.455
	<b>397.200.000</b>	<b>1.473.545.455</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	4.056.400	2.735.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.825.248.350	51.825.248.350
+ Công ty TNHH Pruksa International (*)	51.822.120.000	51.822.120.000
+ Phải trả khác	3.128.350	3.128.350
	<b>51.829.304.750</b>	<b>51.827.984.150</b>

(\*): Khoản tiền ứng trước của Công ty TNHH Pruksa International (2.261.000 USD) cho Công ty để triển khai Dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	141.056.046	179.237.864
	<b>141.056.046</b>	<b>179.237.864</b>

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>139.338.931.645</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>367.828.282.791</b>	<b>3.274.180.759.470</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	2.216.216.321	2.216.216.321
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>139.338.931.645</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>370.044.499.112</b>	<b>3.276.396.975.791</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>3.214.481.530.000</b>	<b>1.976.351.645</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>66.456.183.801</b>	<b>3.302.486.980.480</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.626.497.561	3.626.497.561
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>3.214.481.530.000</b>	<b>1.976.351.645</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>70.082.681.362</b>	<b>3.306.113.478.041</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối quý VND	Tỷ lệ %	Đầu quý VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1.641.385.200.000	51,06%	1.641.385.200.000	51,06%
Cổ đông khác	1.573.096.330.000	48,94%	1.573.096.330.000	48,94%
	<b>3.214.481.530.000</b>	<b>100%</b>	<b>3.214.481.530.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý 1 năm 2022 VND	Quý 1 năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu quý	3.214.481.530.000	2.747.440.630.000
- Vốn góp tăng trong quý	-	-
- Vốn góp giảm trong quý	-	-
- Vốn góp cuối quý	3.214.481.530.000	2.747.440.630.000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	321.448.153	321.448.153
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	321.448.153	321.448.153
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	321.448.153	321.448.153
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	321.448.153	321.448.153
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	321.448.153	321.448.153
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	19.572.915.034	19.572.915.034
	<b>19.572.915.034</b>	<b>19.572.915.034</b>

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê số 02012022/HH-TCH ngày 02/01/2022. Vào ngày 31/03/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
- <i>Từ 1 năm trở xuống</i>	45.000.000	60.000.000

b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/03/2022	01/01/2022
- Đô la Mỹ	USD	11.378,45	26.281,15

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1 năm 2022 VND	Quý 1 năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	133.233.243.648	67.381.627.279
	<b>133.233.243.648</b>	<b>67.381.627.279</b>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1 năm 2022 VND	Quý 1 năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	123.007.485.895	60.283.650.163
	<b>123.007.485.895</b>	<b>60.283.650.163</b>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2022 VND	Quý 1 năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	487.400.257	1.408.801.421
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý	2.086.315	75.982.118
	<b>489.486.572</b>	<b>1.484.783.539</b>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2022 VND	Quý 1 năm 2021 VND
Lãi tiền vay	2.777.505.682	3.885.538.356
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý	829.803.562	-
	<b>3.607.309.244</b>	<b>3.885.538.356</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.250.000	6.841.248
Chi phí nhân công	352.291.100	206.672.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.286.715	32.216.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.181.816	90.000.000
Chi phí khác bằng tiền	644.624.996	712.269.941
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(38.181.818)	-
	<b>1.076.452.809</b>	<b>1.047.999.497</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	370.933.000	287.916.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	390.072.249	487.076.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.389.001	158.074.205
Chi phí khác bằng tiền	388.883.040	147.974.532
	<b>1.328.277.290</b>	<b>1.081.041.505</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.703.204.982	3.007.043.445
Các khoản điều chỉnh tăng	680.332.123	947.092.175
- Chi phí không hợp lệ	396.409.873	663.169.925
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	283.922.250	283.922.250
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.383.537.105	3.954.135.620
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.076.707.421</b>	<b>790.827.124</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu quý	777.732.550	1.423.626.660
Thuế TNDN đã nộp trong quý	(2.763.709.430)	(2.517.046.260)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối quý từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(909.269.459)</b>	<b>(302.592.476)</b>

## 28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	37.444.503.318	-	36.133.852.205	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	62.650.593.923	-	10.651.380.488	-
Các khoản cho vay	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
	<b>136.095.097.241</b>	<b>-</b>	<b>82.785.232.693</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	328.314.612.200	268.719.927.200
Phải trả người bán, phải trả khác	63.898.147.426	108.456.693.951
Chi phí phải trả	397.200.000	1.473.545.455
	<b>392.609.959.626</b>	<b>378.650.166.606</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Tiền	37.444.503.318	-	-	37.444.503.318
Phải thu khách hàng, phải thu khác	62.650.593.923	-	-	62.650.593.923
Tiền gửi có kì hạn	36.000.000.000	-	-	36.000.000.000
	<b>136.095.097.241</b>	-	-	<b>136.095.097.241</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền	36.133.852.205	-	-	36.133.852.205
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.651.380.488	-	-	10.651.380.488
Tiền gửi có kì hạn	36.000.000.000	-	-	36.000.000.000
	<b>82.785.232.693</b>	-	-	<b>82.785.232.693</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Vay và nợ	177.839.612.200	150.475.000.000	-	328.314.612.200
Phải trả người bán, phải trả khác	63.898.147.426	-	-	63.898.147.426
Chi phí phải trả	397.200.000	-	-	397.200.000
	<b>242.134.959.626</b>	<b>150.475.000.000</b>	-	<b>392.609.959.626</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	109.244.927.200	159.475.000.000	-	268.719.927.200
Phải trả người bán, phải trả khác	108.456.693.951	-	-	108.456.693.951
Chi phí phải trả	1.473.545.455	-	-	1.473.545.455
	<b>219.175.166.606</b>	<b>159.475.000.000</b>	-	<b>378.650.166.606</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ kinh doanh ô tô các loại, do đó không lập báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm: Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 như sau:

Theo khu vực địa lý:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	72.223.351.752	7.287.036	61.002.604.860	133.233.243.648
Giá vốn	68.554.775.208	6.122.642	54.446.588.045	123.007.485.895
Lợi nhuận gộp	3.668.576.544	1.164.394	6.556.016.815	10.225.757.753
Tài sản không phân bổ				3.709.567.044.583

## 30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Vaco kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy lập.

Người lập biểu

Phạm Hồng Dung

Kế toán trưởng

Hồ Thị Xuân Hòa

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022

Giám đốc



Nguyễn Thế Hùng